

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 114/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 06/7/2022

*“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Xuân Trường**.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Phạm Thị Nguyên**.

**Ông Nguyễn Văn Hoàn.**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:**  
**Ông Nguyễn Văn Tường - Kiểm sát viên.**

Ngày 06 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 60/2022/TLST-HNGĐ ngày 21/3/2022, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 137/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 93/2022/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2022, giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị H**, sinh năm 1990.

ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Khu N, thị trấn N, huyện N, tỉnh Hải Dương.

Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh **Vương Văn Q**, sinh năm 1987.

Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Thôn L, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương.  
Hiện đang cư trú tại: Đài Loan.

Vắng mặt và đề nghị xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Nguyễn Thị Q1**, sinh năm 1965.

ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn L, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương

Vắng mặt và đề nghị xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn chị Phạm Thị H trình bày: Chị và anh Vương Văn Q kết hôn trên*

cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương vào ngày 29/11/2010. Vợ chồng chung sống hòa thuận được khoảng hai năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do kinh tế gia đình khó khăn nên vợ chồng thường xảy ra cãi vã, không có tiếng nói chung. Cuối năm 2012, mâu thuẫn càng thẳng nên chị đã cho con về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, nhưng sau đó gia đình hòa giải nên vợ chồng quay lại với nhau. Năm 2015 anh Q đi lao động tại Đài Loan, thời gian đầu vợ chồng có liên lạc nhưng sau đó thưa dần, anh Q cũng không gửi tiền đều đặn về nuôi con khiến chị gặp rất nhiều khó khăn. Năm 2017, chị đi lao động tại Nhật Bản đến năm 2021 thì về nước, trong thời gian này anh chị không liên lạc và không quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn anh Vương Văn Q.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Vương Thị Kiều T, sinh ngày 12/12/2011 và Vương Nam K, sinh ngày 25/3/2014, hiện các con đang ở với chị và ông bà ngoại. Khi ly hôn, chị đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Vương Nam K, để anh Q nuôi dưỡng con chung Vương Thị Kiều T cho đến khi các con thành niên, không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Trong thời gian anh Q không có mặt tại Việt Nam chị nhất trí để mẹ đẻ anh Q là bà Nguyễn Thị Q1 thay anh chăm sóc con Vương Thị Kiều T cho đến khi anh về nước.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị xác định vợ chồng không có tài sản chung cũng như không có nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do chị H không cung cấp được địa chỉ của anh Q nên Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình anh Q. Bà Nguyễn Thị Q1 (mẹ đẻ anh Q) trình bày: Bà không biết địa chỉ cụ thể của anh Q ở nước ngoài nên không cung cấp cho Tòa án được. Tuy nhiên anh Q vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình qua điện thoại. Bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh Q biết, anh Q xác định vợ chồng sống ly thân từ lâu, không ai quan tâm đến ai. Nay chị H có đơn xin ly hôn, anh hoàn toàn nhất trí. Anh xác định vợ chồng có hai con chung như chị H trình bày là đúng, anh nhất trí để chị H nuôi con Vương Nam K, anh nuôi con Vương Thị Kiều T cho đến khi các con thành niên, không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Trong thời gian anh không có mặt tại Việt Nam anh nhờ mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị Q1 thay anh chăm sóc con Vương Thị Kiều T cho đến khi anh về nước. Anh xác định không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án xác minh tại chính quyền địa phương nơi chị H, anh Q đăng ký kết hôn và sinh sống thể hiện: Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại gia đình anh Q; chị H có thời gian bỏ về nhà đẻ ở, sau đó anh Q và chị H đều có thời gian đi nước ngoài. Nay chị H đã về nước còn anh Q vẫn sống ở nước ngoài, vợ chồng mỗi người ở một nơi. Chị H có đơn xin ly hôn, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Con chung của chị H và anh Q là cháu Vương Thị Kiều T có nguyện vọng được ở với anh Q, cháu Vương Nam K có nguyện vọng được ở với chị H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị H ly hôn anh Vương Văn Q. Về con chung: Giao con chung Vương Thị Kiều T cho anh Q chăm sóc, nuôi dưỡng; giao con chung Vương Nam K cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Tạm giao cháu Vương Kiều T cho bà Nguyễn Thị Q1 chăm sóc trong thời gian anh Q không có mặt tại Việt Nam. Chị H phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị Phạm Thị H sinh sống ở Việt Nam, bị đơn anh Vương Văn Q có nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh ở thôn L, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương, hiện anh Q đang lao động tại Đài Loan. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh Q. Tòa án đã nhiều lần yêu cầu gia đình anh Q cung cấp địa chỉ nhưng gia đình không cung cấp được. Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà Q1 là mẹ anh Q để thông báo về việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị H và anh Q đồng thời tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Bà Q1 vẫn thường xuyên liên lạc với anh Q và đã thông báo việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị H và anh Q. Tại phiên tòa, chị H vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, thông qua gia đình anh Q cũng có quan điểm đề nghị giải quyết vắng mặt. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị H và anh Vương Văn Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương vào ngày 29/11/2010 là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, kinh tế gia đình khó khăn nên vợ chồng thường hay xảy ra cãi vã. Năm 2015 anh Q đi lao động tại Đài Loan, năm 2017 chị đi lao động tại Nhật Bản, vợ chồng mỗi người sống một nơi không ai quan

tâm đến ai. Hiện tại chị H đã về nước còn anh Q vẫn làm ăn tại Đài Loan. Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Q. Thông qua gia đình anh Q cũng xác định vợ chồng sống ly thân từ lâu nên không còn tình cảm và nhất trí ly hôn. Hội đồng xét xử thấy, mâu thuẫn giữa chị H và anh Q đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị Phạm Thị H và anh Vương Văn Q có hai con chung là Vương Thị Kiều T, sinh ngày 12/12/2011 và Vương Nam K, sinh ngày 25/3/2014, hiện các con đang ở với chị H. Chị H và anh Q thống nhất: chị H nuôi dưỡng con chung Vương Nam K, anh Q nuôi dưỡng con chung Vương Thị Kiều T cho đến khi các con thành niên, không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Con chung Vương Thị Kiều T có nguyện vọng được ở với anh Q, con chung Vương Nam K có nguyện vọng được ở với chị H. Anh Q ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Q1 chăm sóc con chung Vương Thị Kiều T cho đến khi anh về nước. Hội đồng xét xử thấy, thỏa thuận của các đương sự phù hợp với thực tế và phù hợp với quy định của pháp luật, do vậy cần chấp nhận thỏa thuận của anh chị. Tạm giao con Vương Thị Kiều T cho bà Q1 nuôi dưỡng trong thời gian anh Q không có mặt tại Việt Nam.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H, anh Q xác định không có tài sản chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) theo quy định của pháp luật.

*Vì những lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các Điều 51; 56; 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị H ly hôn anh Vương Văn Q.

2. Về quan hệ nuôi con: Xử giao cho chị Phạm Thị H được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Vương Nam K, sinh ngày 25/3/2014 cho đến khi con tròn 18 tuổi. Giao cho anh Vương Văn Q được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Vương Thị Kiều T, sinh ngày 12/12/2011 cho đến khi con tròn 18 tuổi. Chị H và anh Q không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Tạm giao con chung Vương Thị Kiều T cho bà Nguyễn Thị Q1 nuôi dưỡng trong thời gian anh Q không có mặt tại Việt Nam.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) và được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0000004 ngày 18/3/2022 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị H và bà Nguyễn Thị Q1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Anh Vương Văn Q được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GD&NCTN

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Xuân Trường**